

Bản án số: 04/2022/HS-ST  
Ngày 17-02-2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

***-T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Huệ và bà Trần Thị Thu Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Mai Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày: 27 tháng 7 năm 1996 tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ - Sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1968, đều trú tại tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 45/2013/HSST ngày 27/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt Nguyễn Văn T 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST. Nguyễn Văn T đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Tính đến lần phạm tội này, Nguyễn Văn T đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ ngày 13/11/2021, tạm giam ngày 22/11/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

**Bị hại:** Anh Nguyễn Quốc H - Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

*Những người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Anh Phạm Văn H - Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố số B, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai - VẮNG MẶT;

3. Chị Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai - VẮNG MẶT;

4. Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn H thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai - VẮNG MẶT;

5. Anh La Tuấn A - Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai - VẮNG MẶT.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên Nguyễn Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Khoảng hơn 02 giờ ngày 13/11/2021, T đi bộ từ nhà ở tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai theo tỉnh lộ 151 hướng ra UBND thị trấn T, khi đến khu vực thôn Cù 1, thị trấn T, huyện B, T tiếp tục đi theo ngõ giáp siêu thị Tr vào khoảng 100m thì đến dãy trọ của ông Lộc Văn T. T quan sát dãy trọ thấy phòng trọ ngoài cùng cửa phòng vẫn mở hé (phòng của anh Nguyễn Quốc H). T bật đèn pin của điện thoại di động Nokia màu đen, bàn phím trần cầm theo từ nhà để soi rồi mở cửa đi vào trong phòng, thấy anh H đang ngủ trên giường. T đi về phía đầu giường phát hiện có 01 ví giả da màu nâu, 01 điện thoại iphone XS màu đen, 01 điện thoại iphone 5SE màu vàng gold nên T lấy ví và 02 điện thoại cho vào túi quần đang mặc, tiếp tục quan sát xung quanh thì thấy trên bàn gỗ kê gần giường có 01 điện thoại Iphone 6S màu vàng gold, T cũng cầm điện thoại này cho vào túi quần rồi đi ra khỏi phòng, tắt đèn pin của điện thoại và đi bộ ra đường tỉnh lộ 151. T đi đến trước cổng trường mầm non Sơn Ca thuộc thôn Cù 1, thị trấn Tầng Loỏng lấy ví ra kiểm tra thấy trong ví có số tiền 950.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của anh H. T lấy 950.000 đồng cất vào túi quần, còn ví và giấy tờ vứt tại đó. Sau đó, T đến khu vực đường Quý Xa bỏ 03 điện thoại vừa trộm cắp được ra kiểm tra, thấy 01 điện thoại Iphone 6S và 01 điện thoại Iphone 5SE không lắp sim, còn 01 điện thoại Iphone XS trong máy có lắp sim. Do sợ có người gọi vào điện thoại Iphone XS nên T nhặt que ở đường chọc vào khe lắp sim, tháo sim ra vứt ở vệ đường, tiếp đó nhặt túi nilon cho điện thoại Iphone XS vào cất giấu ở bụi cây, còn 01 điện thoại Iphone 6S và 01 điện thoại Iphone 5SE, T cầm về nhà cất giấu trong thùng bìa các-tông để trên giường ở gian phòng khách, số tiền 950.000 đồng T giấu ở túi quần bỏ để trong phòng tắm rồi đi ngủ đến khoảng 09 giờ cùng ngày thì bị công an triệu tập lên làm việc và bắt khẩn cấp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐG ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bảo Thắng, kết luận: 01 điện thoại Iphone XS, 64gb màu đen có giá trị 7.000.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 6S, 16gb màu vàng gold có giá trị 1.500.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 5SE, 16gb màu vàng gold có giá trị 700.000 đồng. Tổng giá trị của 03 điện thoại là 9.200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSBT ngày 18/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 03 điện thoại, các giấy tờ liên quan và số tiền 950.000 đồng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Quốc H, không ai có ý kiến gì khác nên không đề cập giải quyết.

Đối với 01 điện thoại Nokia màu đen, bàn phím trần mà bị can Nguyễn Văn T sử dụng làm công cụ trộm cắp tài sản, T đã làm rơi trên đường đi về nhà, do không truy tìm vật chứng nên không giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết. Do bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi “Trộm cắp tài sản” của anh Nguyễn Quốc H gồm 03 điện thoại các loại trị giá 9.200.000 đồng và số tiền 950.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh Nguyễn Quốc H là 10.150.000 đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích theo quy định. Tuy nhiên, sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà đến nay lại cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy Hội đồng xét xử cũng cần có mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục đối với Nguyễn Văn T.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại, thiệt hại xảy ra không lớn. Do đó cần xem xét cho bị cáo được H các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu và không ai có ý kiến gì khác.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng:

Về đề nghị của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề có liên quan trong vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần xem xét theo quy định. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 13/11/2021.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án;*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- Công an huyện Bảo Thắng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Thắng;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp; Bị cáo;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị hại; Thi hành án (3);  
-Lưu HS,TA,THS,VP.

**Nguyễn Thị Hoàng Liên**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng Liên**







***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND tỉnh Lào Cai; VKSND Bảo Thắng;
- Công an Bảo Thắng (2); Công an TP Lào Cai;
- PC (81); Sở tư pháp;
- Bị cáo; Bị hại; Người bào chữa;
- THA (2); Đại diện HP của bị cáo;
- Lưu HS,TA,THS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng Liên**





















































































































































































































































































































